

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

ĐINH THỊ HÒA

**CHÍNH SÁCH THUẾ VỚI PHÁT TRIỂN
KINH TẾ XANH Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 9.34.02.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2020

Công trình được hoàn thành tại Học viện Tài chính

***Người hướng dẫn khoa học:* 1. PGS, TS. Lý Phương Duyên
2. TS. Nguyễn Cẩm Tâm**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

**Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án
cấp Học viện, tại Học viện Tài chính**

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia và
Thư viện Học viện Tài chính**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Đảm bảo sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội và tài nguyên - môi trường là một trong những mục tiêu cơ bản của mọi quốc gia trong tương lai và phát triển kinh tế xanh là một trong những phương thức để đạt được mục tiêu đó. Để phát triển kinh tế xanh, các quốc gia đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau, trong đó chính sách thuế là công cụ có vai trò đặc biệt quan trọng.

Phạm trù kinh tế xanh bắt đầu xuất hiện ở Việt Nam từ năm 2010. Tuy nhiên, cho đến nay, tác động của chính sách thuế đối với phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam còn chưa thật sự rõ ràng và cũng chưa có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu sinh đã lựa chọn nghiên cứu đề tài “*Chính sách thuế với phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam*” để thực hiện luận án với mong muốn tìm ra một số giải pháp có luận cứ khoa học, phù hợp với thực tiễn, gắn với việc hoàn thiện nội dung các chính sách thuế nhằm phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam trong thời gian tới, góp phần vào quá trình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế bền vững trong tương lai. Với ý nghĩa như vậy, nghiên cứu sinh nhận thấy việc nghiên cứu đề tài luận án là cấp thiết, có tính thời sự cao.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục đích nghiên cứu

Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách thuế nhằm phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam.

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Phân tích, phát triển và bổ sung những vấn đề lý luận về chính sách thuế, phát triển kinh tế xanh;

Nghiên cứu nội dung chính sách thuế nhằm phát triển kinh tế xanh của một số quốc gia trên thế giới, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho việc thiết kế, xây dựng chính sách thuế ở Việt Nam;

Nghiên cứu, phân tích, đánh giá nội dung các chính sách thuế

nhằm phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam;

Đưa ra một số giải pháp cụ thể để hoàn thiện chính sách thuế hiện có, đồng thời nghiên cứu bổ sung thêm chính sách thuế mới nhằm phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là chính sách thuế gắn với mục tiêu phát triển kinh tế xanh.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung: Mỗi chính sách thuế trong hệ thống thuế của Việt Nam hiện nay đều lồng ghép những nội dung gắn với phát triển kinh tế xanh. Tuy nhiên, để nội dung phân tích trong luận án được tập trung thì căn cứ vào mục tiêu và tầm quan trọng của từng chính sách thuế đối với phát triển kinh tế xanh, trong luận án nghiên cứu sinh sẽ tập trung đi vào phân tích bốn chính sách thuế có tác động lớn nhất đến phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam hiện nay, đó là: chính sách thuế Tài nguyên, chính sách thuế Bảo vệ môi trường (BVMT), chính sách ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và chính sách thuế Tiêu thụ đặc biệt (TTĐB).

Phạm vi về thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu, đánh giá chính sách thuế và tác động của chính sách thuế đến phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2018 (gắn liền với Chiến lược cải cách thuế ở Việt Nam) và đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách thuế đến năm 2030.

Phạm vi về không gian: Luận án nghiên cứu chính sách thuế trong bối cảnh gắn với mục tiêu phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1 Phương pháp luận

Trong luận án, nghiên cứu sinh sử dụng phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

4.2 Phương pháp nghiên cứu

Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận: Phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp phân loại và hệ thống hóa, phương pháp mô hình hóa.

Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Phương pháp nghiên cứu định tính, phương pháp nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định lượng được sử dụng trong luận án nhằm phân tích tác động của số thu các loại thuế (thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường, thuế tiêu thụ đặc biệt) và dân số đến lượng phát thải khí CO₂ của Việt Nam. Số liệu sử dụng trong mô hình là các số liệu thứ cấp về số thu các loại thuế (thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường, thuế tiêu thụ đặc biệt), dân số của Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2018 được công bố bởi Tổng Cục Thống kê, Tổng Cục Thuế, Bộ Tài chính; lượng khí thải CO₂ của Việt Nam từ năm 2001-2018 được công bố bởi Ngân hàng Thế giới và dựa trên những tính toán của tác giả. Với số liệu thu thập được, luận án sẽ sử dụng phần mềm SPSS 20 để tiến hành phân tích.

5. Những đóng góp mới của luận án

5.1 Về mặt lý luận

Luận án đã làm rõ các đặc trưng của kinh tế xanh, vai trò của chính sách thuế đối với phát triển kinh tế xanh.

Luận án đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng tới chính sách thuế với mục tiêu phát triển kinh tế xanh.

Luận án đã tổng hợp được kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới trong việc thiết lập chính sách thuế nhằm phát triển kinh tế xanh, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

5.2 Về mặt thực tiễn

Luận án đã trình bày về thực trạng phát triển kinh tế xanh và khái quát về tiến trình cải cách thuế gắn với quá trình phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam.

Luận án đã hệ thống hóa nội dung một số chính sách thuế nhằm phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam, đồng thời phân tích các chính sách thuế đã có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển kinh tế

xanh ở Việt Nam.

Luận án đã xây dựng mô hình nghiên cứu và sử dụng dữ liệu về lượng khí thải CO₂, số thu thuế tài nguyên, số thu thuế bảo vệ môi trường, số thu thuế tiêu thụ đặc biệt, dân số của Việt Nam giai đoạn 2001-2018 và một số dữ liệu thống kê khác để phân tích thực trạng tác động của các chính sách thuế, chỉ ra tác động mạnh/yếu, tích cực/tiêu cực của các chính sách thuế với phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam.

Luận án đã chỉ ra những thành công của chính sách thuế với phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam, đồng thời cũng chỉ ra những hạn chế trong một số chính sách thuế và nguyên nhân của những hạn chế này - là cơ sở, luận cứ để luận án đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện các chính sách thuế hiện hành, đồng thời bổ sung thêm thuế carbon vào hệ thống thuế nhằm góp phần thực hiện tốt hơn nữa mục tiêu phát triển kinh tế xanh của Việt Nam.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án có kết cấu gồm bốn chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận về chính sách thuế với phát triển kinh tế xanh

Chương 3: Thực trạng chính sách thuế với phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam

Chương 4: Giải pháp hoàn thiện chính sách thuế nhằm phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1 CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRÊN THẾ GIỚI

Hiện nay, trên thế giới có nhiều công trình nghiên cứu về chính sách thuế, về phát triển kinh tế xanh, về vai trò của các chính sách thuế liên quan đến môi trường đối với tăng trưởng xanh, đối với phát thải CO₂. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu về chính sách thuế với phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu, nghiên cứu sinh đã tiếp cận được với 16 bài báo, 03 cuốn sách và 03 báo cáo kinh tế trên thế giới có liên quan đến đề tài luận án, điển hình là một số công trình như: *Tax Policy to Reduce Carbon Emissions in a Distorted Economy: Illustrations from a South Africa CGE Model* của Shantayanan Devarajan và cộng sự (2011); *Environmental taxes and Green Growth* của Herman Vollebergh (2012); *Environmental Tax Reform: Principles from Theory and Practice to Date* của Ian W.H. Parry và cộng sự (2012); *Taxing Energy Use: A Graphical Analysis* của OECD (2013); *Taxing Energy Use 2018* của OECD (2018).

1.2 CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở VIỆT NAM

Đối với các công trình nghiên cứu ở Việt Nam, nghiên cứu sinh đã tiếp cận được với 08 bài báo, 04 luận án tiến sĩ, 01 hội thảo khoa học, 02 đề tài nghiên cứu khoa học, 02 cuốn sách và 03 báo cáo kinh tế liên quan đến đề tài luận án, điển hình như: Đề tài nghiên cứu khoa học *Chính sách thuế với mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam* của Nguyễn Thị Thanh Hoài và Lý Phương Duyên (2011), bài báo *Sử dụng chính sách thuế nhằm bảo vệ môi trường ở Việt Nam* của Nguyễn Thị Thanh Hoài (2014), luận án tiến sĩ *Chính sách thuế với mục tiêu phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam* của Ngô Văn Khương (2016), bài báo *Chính sách thuế nhằm bảo vệ môi trường trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế* của Nguyễn Đình Chiến (2017), báo cáo *Nghiên cứu sử dụng công cụ chính sách thuế nhằm điều tiết nền kinh tế hướng tới tăng trưởng xanh và phát triển bền vững ở Việt Nam* của Viện Nghiên cứu quản lý Kinh tế Trung ương

(2019). Các công trình đã nghiên cứu về sử dụng chính sách thuế nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường, về ảnh hưởng của chính sách thuế đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế hoặc phát triển kinh tế bền vững nói chung chứ chưa gắn liền với phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam.

1.3 KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU

Khoảng trống về mặt lý luận: Các công trình trước đây chưa đi sâu phân tích nội dung từng chính sách thuế và chưa nghiên cứu mức độ tác động của từng chính sách thuế đối với phát triển kinh tế xanh.

Khoảng trống về mặt thực tiễn: Các nghiên cứu trước đây chưa đề cập đến tác động của chính sách thuế, cũng như chưa đi sâu phân tích và đánh giá một cách đầy đủ về mức độ tác động (mạnh, yếu) của từng sắc thuế hiện hành đối với phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam, từ đó các nghiên cứu chưa chỉ ra được những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế làm cơ sở cho việc đưa ra một số giải pháp hoàn thiện chính sách thuế nhằm mục tiêu phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam. Đây được xem là khoảng trống rất cần nghiên cứu khi hoạch định chính sách thuế nhằm phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam.

1.4 NHỮNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU MÀ LUẬN ÁN KẾ THỪA VÀ TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu đã cung cấp cho luận án những lý luận cơ bản về kinh tế xanh và bản chất của kinh tế xanh.

Thứ hai, một số công trình nghiên cứu đã tập trung phân tích khá sâu sắc ảnh hưởng của chính sách thuế đối với tăng trưởng xanh và phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam.

Thứ ba, một số công trình đã đề cập đến thực trạng hệ thống chính sách nhằm huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam, những hạn chế trong việc huy động nguồn lực và kinh nghiệm huy động nguồn lực của một số quốc gia trên thế giới như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Hàn Quốc...

Thứ tư, một số công trình đã nghiên cứu các mô hình kinh tế xanh tiêu biểu của Việt Nam, vừa phù hợp với xu thế chung của thế giới, vừa phù hợp với thực tiễn kinh tế tại Việt Nam.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH

2.1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

2.1.1 Khái niệm chính sách thuế

Với mỗi nhà khoa học, khái niệm chính sách thuế được trình bày theo các cách khác nhau, nhưng về mặt ý nghĩa thì đều có sự thống nhất và một cách khái quát nhất, nghiên cứu sinh đồng tình với khái niệm chính sách thuế được trình bày trong luận án tiến sĩ tác giả Ngô Văn Khương: *“Chính sách thuế là hệ thống những quan điểm, đường lối, phương châm của Nhà nước được thể hiện thông qua việc sử dụng các công cụ thuế nhằm phục vụ những mục tiêu nhất định của Nhà nước trong từng thời kỳ nhất định”*.

2.1.2 Nội dung của chính sách thuế

Trong các thời kỳ khác nhau thì chính sách thuế có các biểu hiện cụ thể khác nhau, nhưng thông thường chính sách thuế bao gồm các nội dung chủ yếu, đó là: Quan điểm, đường lối, phương châm của nhà nước; Mục tiêu của chính sách thuế; Phạm vi điều chỉnh của chính sách thuế; Trách nhiệm thực hiện; Thời gian hiệu lực của chính sách thuế.

2.1.3 Nguyên tắc xây dựng chính sách thuế

Việc xây dựng chính sách thuế luôn phải đảm bảo các nguyên tắc: Nguyên tắc công bằng; Nguyên tắc khả thi; Nguyên tắc rõ ràng, đơn giản và dễ hiểu; Nguyên tắc ổn định và Nguyên tắc hiệu quả.

2.2 PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH

2.2.1 Khái niệm phát triển kinh tế xanh

2.2.1.1 Khái niệm và đặc trưng của kinh tế xanh

Kinh tế xanh được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau và về cơ bản, nghiên cứu sinh cho rằng: *Kinh tế xanh là nền kinh tế giảm thiểu khí nhà kính, bảo vệ môi trường, kích thích sử dụng hiệu quả tài nguyên trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại hướng tới*

nâng cao đời sống cho con người. Kinh tế xanh có một số đặc trưng như sau:

Thứ nhất, kinh tế xanh là nền kinh tế khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên;

Thứ hai, kinh tế xanh là nền kinh tế hướng tới giảm phát thải khí nhà kính và ứng phó với biến đổi khí hậu;

Thứ ba, kinh tế xanh là nền kinh tế ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.

2.2.1.2 Khái niệm và mục tiêu của phát triển kinh tế xanh

Một cách khái quát nhất thì phát triển kinh tế xanh được hiểu: *“là quá trình tái cơ cấu lại hoạt động kinh tế và cơ sở hạ tầng để thu được kết quả tốt hơn từ các khoản đầu tư cho tài nguyên, nhân lực và tài chính, đồng thời giảm phát thải khí nhà kính, khai thác và sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên hơn, tạo ra ít chất thải hơn và giảm sự mất công bằng trong xã hội”*. Phát triển kinh tế xanh hướng đến nhiều mục tiêu khác nhau nhưng tựu chung lại đều nhằm nâng cao đời sống của con người.

2.2.2 Hệ thống chính sách nhằm phát triển kinh tế xanh

Để phát triển kinh tế xanh, các quốc gia sử dụng kết hợp nhiều các chính sách khác nhau, bao gồm: chính sách thuế, chính sách tín dụng, chính sách cạnh tranh, chính sách đầu tư, chính sách trợ cấp... trong đó chính sách thuế đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

2.3 CHÍNH SÁCH THUẾ VỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH

2.3.1 Vai trò của chính sách thuế với phát triển kinh tế xanh

Một là, chính sách thuế tạo ra nguồn lực tài chính để phát triển kinh tế xanh;

Hai là, chính sách thuế góp phần điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững;

Ba là, chính sách thuế góp phần thực hiện công bằng trong

việc tiếp cận với các dịch vụ tiện ích của xã hội;

Bốn là, chính sách thuế góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

2.3.2 Tác động của chính sách thuế đối với phát triển kinh tế xanh

2.3.2.1 Tác động của chính sách thuế tới hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên

Tác động của chính sách thuế tới hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên được thể hiện rõ nét nhất, trực tiếp nhất thông qua chính sách thuế tài nguyên và được đánh giá trên cả hai phương diện: tác động tích cực và tiêu cực đối với nền kinh tế.

Tác động tích cực: giúp các quốc gia tiết kiệm được một lượng lớn tài nguyên thiên nhiên, hạn chế việc khai thác quá mức và sử dụng lãng phí tài nguyên, đặc biệt là những tài nguyên không có khả năng tái tạo.

Tác động tiêu cực: nếu mức thuế tài nguyên quá thấp, nhà nước sẽ thất thu và tài nguyên sẽ bị khai thác và sử dụng bừa bãi, nhưng nếu mức thuế quá cao thì sẽ làm cho doanh nghiệp không còn động lực sản xuất hoặc sẽ tính toán, lựa chọn chỉ khai thác những loại có giá trị lớn mang lại hiệu quả cao mà bỏ đi những loại có hàm lượng thấp, gây lãng phí tài nguyên thiên nhiên, thậm chí sẽ là nguyên nhân gây ra tình trạng khai thác trái phép một cách phổ biến.

2.3.2.2 Tác động của chính sách thuế tới phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu

Tác động của chính sách thuế tới phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu được thể hiện rõ nét nhất thông qua hệ thống chính sách thuế nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường.

Tác động tích cực: nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, khuyến khích doanh nghiệp tìm các biện pháp nhằm hạn chế phát thải khí nhà kính, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng.

Tác động tiêu cực: Nếu mức thuế quá thấp, hoặc danh mục

đối tượng chịu thuế không đầy đủ thì chính sách thuế sẽ không đủ mạnh để hạn chế các hành vi gây hại cho môi trường. Nếu mức thuế quá cao, giá hàng hóa, dịch vụ sẽ tăng cao, ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của doanh nghiệp và chi phí sinh hoạt của người dân sẽ bị ảnh hưởng nhiều, đặc biệt là người dân có mức thu nhập thấp.

Nhiều công trình đã nghiên cứu về tác động của chính sách thuế đến phát thải khí nhà kính mà đại diện là khí CO₂, như: Holtz-Eakin và Selden (1995); Reyer Gerlagh, Bob van der Zwaan (2006); Morley (2012); Sebastian J. Miller, Mauricio A. Vela (2013). Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng để nghiên cứu tác động của chính sách thuế tới lượng khí thải CO₂ bằng cách xây dựng mô hình hồi quy với biến phụ thuộc là lượng khí thải CO₂; biến độc lập gồm các biến về số thu các loại thuế nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường và dân số được coi là một mô hình nghiên cứu hợp lý.

2.3.2.3 Tác động của chính sách thuế tới hoạt động sử dụng công nghệ tân tiến - thân thiện với môi trường

Để thực hiện mục tiêu này, trong luận án, nghiên cứu sinh đề cập tới công cụ chính mà nhà nước sử dụng, đó là chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm: Áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi, ưu đãi về thời gian miễn thuế và giảm thuế TNDN, giảm trừ nghĩa vụ thuế TNDN phải nộp thông qua khấu trừ thuế, cho phép tính chi phí hợp lý cao hơn... Nếu chính sách ưu đãi thuế TNDN được sử dụng hợp lý sẽ mang lại tác động tích cực: tăng tích lũy vốn cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp có vốn để đầu tư đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình chất lượng sản phẩm trong thời gian nhất định. Ngược lại, nếu chính sách ưu đãi thuế TNDN không được thiết lập một cách hợp lý sẽ dẫn đến tâm lý dựa dẫm, làm chậm lại nỗ lực giảm chi phí, nỗ lực cải tổ cơ cấu, tiếp thị và phân phối, cũng như nỗ lực để thực hiện đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất và đầu tư vào việc đào tạo lực lượng lao động.

2.3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến chính sách thuế với phát triển kinh tế xanh

Chính sách thuế đối với phát triển kinh tế xanh ở các quốc gia chịu ảnh hưởng của rất nhiều các nhân tố khác nhau, trong đó bao gồm một số nhân tố cơ bản: Nhân tố thuộc về nội dung của các chính sách thuế; Trình độ của đội ngũ cán bộ - công chức tham gia hoạch định chính sách thuế; Quy trình xây dựng chính sách thuế; Phương thức tiếp nhận thông tin để xây dựng chính sách thuế; Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan thuế; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia trong từng thời kỳ; Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của các quốc gia.

2.4. KINH NGHIỆM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH THUẾ NHẪM PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Mô hình phát triển kinh tế xanh được chứng minh là có hiệu quả về mặt dài hạn và đang được nhiều quốc gia hướng đến. Nhiều nước như Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia.. đã đi tiên phong trong việc xây dựng chính sách thuế nhằm phát triển kinh tế xanh với nhiều nội dung quan trọng. Trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, để hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế xanh thì việc Việt Nam học hỏi kinh nghiệm của các nước trong việc xây dựng chính sách thuế có ý nghĩa vô cùng to lớn.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH THUẾ VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH Ở VIỆT NAM

3.1 THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH Ở VIỆT NAM

Trong nội dung này, luận án đã phân tích khái quát về thực trạng phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam trên ba khía cạnh: Thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; Thực trạng giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với BĐKH; Thực trạng ứng dụng công nghệ tân tiến, thân thiện với môi trường. Song song với quá trình phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam, luận án đã chỉ ra những điều chỉnh trong hệ thống chính sách thuế của nhà nước để phát triển kinh tế xanh, hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam.

3.2 THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH THUẾ VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH Ở VIỆT NAM

3.2.1 Hệ thống chính sách thuế với mục tiêu phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam

Trong nội dung này, luận án sẽ tập trung nghiên cứu các chính sách thuế có ảnh hưởng trực tiếp và lớn nhất đến mục tiêu phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam, bao gồm: chính sách thuế tài nguyên, chính sách thuế BVMT, chính sách thuế TTĐB và chính sách ưu đãi thuế TNDN. Với mỗi chính sách thuế, luận án sẽ làm rõ vai trò của chính sách thuế, nội dung của chính sách thuế đã được nhà nước thiết lập và điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội nhằm mục tiêu phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam.

3.2.2 Thực trạng tác động của chính sách thuế đến phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam

3.2.2.1. *Thực trạng chính sách thuế tác động đến hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên*

Chính sách thuế Tài nguyên là chính sách thuế có tác động mạnh nhất và điều chỉnh trực tiếp vào hoạt động khai thác và sử dụng

tài nguyên ở Việt Nam, cụ thể:

Tác động đến sản lượng tài nguyên khai thác: Dưới tác động của chính sách thuế nói chung và chính sách thuế tài nguyên nói riêng thì sản lượng khai thác của ba loại tài nguyên chính mà nhà nước thông kê là: than, dầu thô và khí thiên nhiên trước năm 2015 về cơ bản là có xu hướng tăng, nhưng từ năm 2015 đến năm 2017 có xu hướng giảm. Tuy nhiên, đến năm 2018 do nhu cầu tiêu thụ của người dân tăng cao, do nhà nước tiếp tục triển khai hoạt động khai thác theo kế hoạch đề ra và do thời tiết thuận lợi nên sản lượng khai thác than và khí tự nhiên có xu hướng tăng lên.

Tác động đến tỷ lệ đóng góp của ngành công nghiệp khai khoáng cho tăng trưởng kinh tế: Nếu như từ năm 2015 trở về trước, ngành công nghiệp khai khoáng vẫn đóng góp với tỷ lệ lớn vào sự tăng trưởng GDP của Việt Nam, thì từ năm 2016 với sự điều chỉnh mạnh mẽ của mức thuế suất thuế tài nguyên thì tỷ lệ đóng góp của ngành công nghiệp khai khoáng đã bắt đầu giảm xuống. Điều này cho thấy nền kinh tế đang ngày càng giảm mức độ phụ thuộc vào tài nguyên. Và điều này cũng cho thấy chính sách thuế hiện hành của nhà nước đang có tác động tích cực trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Tác động đến cơ cấu sử dụng các nguồn tài nguyên: Dưới tác động của chính sách thuế, tỷ lệ sử dụng tài nguyên tái tạo đang có xu hướng tăng lên và tỷ lệ sử dụng tài nguyên hóa thạch (không tái tạo) đang có xu hướng giảm đi. Trong cơ cấu nguồn điện hàng năm, nguồn điện từ năng lượng hóa thạch chiếm tỷ trọng rất cao (trên 90%), trong đó tập trung chủ yếu ở nhiệt điện và thủy điện.

3.2.2.2. Thực trạng chính sách thuế tác động đến phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, NCS mong muốn có thể tìm hiểu về tác động của việc nhà nước thay đổi nội dung các chính sách thuế (thay đổi thuế suất, phạm vi đánh thuế, giá tính thuế, số thuế phải nộp...) đến lượng phát thải khí CO₂ của doanh nghiệp - chủ thể chính phát thải CO₂ ra môi trường do quá trình tiến hành hoạt

động sản xuất gây nên. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành, các doanh nghiệp Việt Nam không bắt buộc phải thống kê lượng khí CO₂ thải ra môi trường. Do đó, luận án sẽ căn cứ vào dữ liệu lượng phát thải CO₂ của Việt Nam của Ngân hàng Thế giới để làm làm dữ liệu phục vụ cho quá trình nghiên cứu.

Bên cạnh đó, khi áp dụng mô hình nghiên cứu, NCS nhận thấy số thu thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường, thuế tiêu thụ đặc biệt chủ yếu thu từ các đối tượng có liên quan đến tài nguyên - môi trường, liên quan trực tiếp/gián tiếp đến lượng phát thải CO₂. Còn ưu đãi thuế TNDN đến từ nhiều doanh nghiệp, nhiều lĩnh vực khác nhau trong đó, số thuế TNDN ưu đãi cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, BVMT, sản xuất sản phẩm xanh chiếm tỷ lệ rất nhỏ và bản thân NCS không thể tách riêng được số liệu này cho toàn bộ các doanh nghiệp của Việt Nam để đưa vào mô hình nghiên cứu. Vì vậy, trên cơ sở mục tiêu nghiên cứu và số liệu thu thập được, luận án xác định mô hình nghiên cứu như sau:

$$Y(\text{CO}_2) = \beta_0 + \beta_1 \text{Thuế BVMT} + \beta_2 \text{Thuế TNg} + \beta_3 \text{Thuế TTĐB} + \beta_4 \text{Dân số} + U_i$$

Trong đó:

- $Y(\text{CO}_2)$: lượng phát thải khí CO₂ của Việt Nam (đơn vị: triệu tấn), được xem là biến phụ thuộc.

- Biến độc lập: Số thu thuế BVMT, số thu thuế Tài nguyên, số thu thuế TTĐB, dân số của Việt Nam.

- β_0 : là hệ số chặn; β_i : là các hệ số góc ($i=1,4$); U_i : Là sai số ngẫu nhiên của mô hình.

NCS đã sử dụng toàn bộ số liệu thu thập được từ các báo cáo của Tổng Cục thuế, Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Thế giới để thực hiện hồi quy mô hình với các bước cơ bản sau đây:

Bước 1: Xác định tương quan giữa các nhân tố với lượng khí thải CO₂.

Bước 2: Kiểm định các giải thuyết căn bản, bao gồm: Kiểm định sự phù hợp của mô hình; Kiểm định đa cộng tuyến; Kiểm định tự tương quan.

Mô hình có hệ số $F = 101,074$ với mức ý nghĩa $Sig = 0,000$ chứng tỏ mô hình phù hợp với thực tiễn, các biến trong mô hình đều có ý nghĩa thống kê. Hệ số R^2 hiệu chỉnh là 0,959 cho thấy các nhân tố độc lập có thể giải thích được 95,9% sự thay đổi của lượng khí thải CO_2 . Trong mô hình thể hiện số thu thuế BVMT và số thu thuế tài nguyên có tác động nghịch biến đối với lượng phát thải CO_2 , biến số thu thuế TTĐB, biến dân số lại có tác động đồng biến đối với lượng phát thải CO_2 . Kết quả nghiên cứu của mô hình là căn cứ quan trọng đối với quá trình điều chỉnh chính sách thuế của nhà nước nhằm mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

3.2.2.3. Thực trạng chính sách thuế tác động đến hoạt động ứng dụng công nghệ tân tiến - thân thiện với môi trường

Theo bộ số liệu điều tra được Tổng cục Thống kê, số thuế ưu đãi của thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam đã tăng đáng kể theo thời gian: 55 nghìn tỷ đồng (2012), 61 nghìn tỷ đồng (2014) và 86 nghìn tỷ đồng năm (2016). Ưu đãi thuế năm 2016 tăng 40% so với năm 2014 và 57% so với năm 2012. Ưu đãi thuế TNDN ở Việt Nam tập trung chủ yếu ở các doanh nghiệp có quy mô nguồn vốn trên 100 tỷ, thuộc ngành công nghiệp và có vốn đầu tư nước ngoài. Mặc dù số thuế TNDN nhà nước ưu đãi cho các doanh nghiệp là khá lớn, tuy nhiên số doanh nghiệp tiến hành đổi mới công nghệ vẫn còn rất hạn chế và khối doanh nghiệp quy mô lớn có tỷ lệ đầu tư cho khoa học công nghệ cao hơn hẳn so với khối doanh nghiệp vừa, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

3.3. ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH THUẾ VỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH Ở VIỆT NAM

3.3.1. Kết quả đạt được

Thứ nhất, chính sách thuế đã làm tăng thu cho NSNN, tạo nguồn lực cho quá trình phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam.

Thứ hai, chính sách thuế đã có đóng góp to lớn đối với quá trình quản lý, giám sát, góp phần thúc đẩy hoạt động sử dụng tài

nguyên thiên nhiên tiết kiệm, hiệu quả.

Thứ ba, chính sách thuế BVMT cùng với các văn bản quy phạm pháp luật đã đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế bền vững, khuyến khích phát triển kinh tế đi liền với giảm ô nhiễm môi trường.

Thứ tư, chính sách thuế TTĐB của Việt Nam thời gian qua đã phát huy được vai trò của mình trong việc hướng dẫn sản xuất và tiêu dùng trong xã hội theo hướng xanh hóa.

Thứ năm, các chính sách ưu đãi thuế TNDN của Việt Nam hiện nay đã có vai trò tích cực trong việc khuyến khích phát triển các ngành nghề, lĩnh vực liên quan đến bảo vệ môi trường và phát triển khoa học công nghệ.

3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

3.3.2.1. Hạn chế

Một là, chính sách thuế tài nguyên chưa thực sự hiệu quả trong việc khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo.

Hai là, chính sách thuế BVMT của Việt Nam chưa có tác động đủ lớn để làm thay đổi thói quen của người tiêu dùng .

Ba là, những điều chỉnh của nhà nước đối với chính sách thuế TTĐB chưa đủ mạnh để có thể làm giảm lượng khí CO₂ thải ra môi trường.

Bốn là, chính sách ưu đãi thuế TNDN có tác động còn hạn chế đến công tác đầu tư cho hoạt động BVMT của các doanh nghiệp.

3.3.2.2. Nguyên nhân

Một là, nguyên nhân liên quan trực tiếp đến nội dung của các chính sách thuế (đối tượng chịu thuế, giá tính thuế, thuế suất...).

Hai là, do trình độ của đội ngũ cán bộ tham gia hoạch định chính sách thuế còn hạn chế.

Ba là, do sự phối hợp giữa các cơ quan ban hành chính sách thuế và các chủ thể chịu tác động của chính sách thuế; sự phối hợp giữa các bộ, ban, ngành còn thiếu chặt chẽ.

Bốn là, phương thức tiếp nhận thông tin của cơ quan ban hành chính sách thuế trong quá trình hoạch định chính sách thuế còn chưa toàn diện.

Năm là, công tác dự báo trong hoạch định chính sách thuế hiện nay chưa theo kịp với tình hình hội nhập của đất nước.

CHƯƠNG 4

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH THUẾ NHẪM PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH Ở VIỆT NAM

4.1. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030

4.1.1. Mục tiêu tổng quát

Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm mọi người dân được phát huy tiềm năng, tham gia và thụ hưởng bình đẳng thành quả của phát triển; xây dựng một xã hội Việt Nam hòa bình, thịnh vượng, bao trùm, dân chủ, công bằng, văn minh và bền vững.

4.1.2. Mục tiêu cụ thể

Một là, đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững. *Hai là*, đến năm 2030 đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững. *Ba là*, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất. *Bốn là*, ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai. *Năm là*, xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững. *Sáu là*, đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước. *Bảy là*, bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững. *Tám là*, đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người. *Chín là*, xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới. *Mười là*, phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; bảo đảm môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng. *Mười một*, tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững.

4.2. ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH THUẾ VỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030

Một là, hoàn thiện chính sách thuế phải đảm bảo sự tương thích, đồng bộ và phù hợp với các nội dung của một số Luật mới được Quốc hội ban hành, sửa đổi.

Hai là, hoàn thiện chính sách thuế phải được tiến hành đồng bộ với hoàn thiện công tác quản lý thuế theo hướng hiện đại.

Ba là, hoàn thiện chính sách thuế của Việt Nam trong thời gian tới cần hướng đến việc tối ưu hóa nguồn thu, đảm bảo cơ cấu thu hợp lý và bền vững.

Bốn là, việc hoàn thiện chính sách thuế cần tôn trọng bản chất, mục tiêu điều chỉnh của mỗi sắc thuế khi được ban hành

Năm là, hoàn thiện chính sách thuế phải đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển; phù hợp với các cam kết quốc tế.

4.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH THUẾ NHẪM PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH Ở VIỆT NAM

4.3.1. Giải pháp hoàn thiện nội dung các chính sách thuế hiện hành nhằm phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam

4.3.1.1. Hoàn thiện chính sách thuế tài nguyên

Về đối tượng chịu thuế: nghiên cứu bổ sung một số loại tài nguyên có giá trị kinh tế cao vào đối tượng chịu thuế: san hô đỏ, đá bazan dạng cột.

Về sản lượng tài nguyên tính thuế: cần phân biệt sản phẩm đã qua chế biến với sản phẩm ở dạng nguyên hoặc đã thành sản phẩm khác để xác định sản lượng và giá tính thuế đối với tài nguyên khai thác và sản phẩm khác chế biến từ tài nguyên khai thác cho đồng bộ với chính sách hiện hành. Bên cạnh đó, cần có quy định thống nhất về nguyên tắc quy đổi sản lượng tính thuế theo tỷ lệ đảm bảo thống nhất áp dụng giữa các địa phương.

Về giá tính thuế tài nguyên: cần xác định lại giá tính thuế đối

với tài nguyên xuất khẩu để không đi ngược lại chính sách khuyến khích chế biến sâu, hạn chế xuất khẩu tài nguyên dạng thô ở Việt Nam.

Về thuế suất thuế tài nguyên: nhà nước cần xem xét điều chỉnh tăng thuế suất đối với các loại tài nguyên không tái tạo như than, dầu thô, khí thiên nhiên, khí than..

4.3.1.2. Hoàn thiện chính sách thuế bảo vệ môi trường

Về đối tượng chịu thuế BVMT: Việt Nam nên bổ sung một số mặt hàng vào danh mục đối tượng chịu thuế, bao gồm: phân bón hóa học, chất tẩy rửa, khí than, điện than, khí thiên nhiên, thuốc lá. Đặc biệt, NCS đề xuất đưa túi ni-lông vào danh mục hàng hóa cấm sản xuất.

Về mức thuế BVMT: trong giai đoạn sắp tới Việt Nam cần tiếp tục điều chỉnh tăng mức thuế BVMT đối với các đối tượng chịu thuế để hạn chế hơn nữa việc tác động đến môi trường do hoạt động tiêu thụ các mặt hàng này gây ra.

4.3.1.3. Hoàn thiện chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt

Một là, nhà nước nên bổ sung đồ nhựa vào danh mục chịu thuế TTĐB.

Hai là, nhà nước nên tăng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá, rượu bia, xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi dùng cho mục đích tiêu dùng cá nhân.

Ba là, nhà nước cần quy định mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng sinh học bằng 50% của mức thuế suất đối với xăng khoáng nhằm tạo sự chênh lệch đáng kể về giá giữa xăng sinh học và xăng khoáng (theo NCS mức chênh lệch thấp nhất phải đạt 2.000 đồng/lít) để kích thích người tiêu dùng sử dụng xăng sinh học.

4.3.1.4. Hoàn thiện chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Mở rộng chế độ ưu đãi thuế TNDN: Việt Nam cần mở rộng chế độ ưu đãi thuế TNDN đối với các doanh nghiệp có sử dụng các biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường hoặc sử dụng các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sạch trong sản xuất sản phẩm.

Đối với chi phí đầu tư cho khoa học, công nghệ: có thể áp dụng các biện pháp khác nhau nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, ví dụ như cho phép khấu trừ gấp đôi hoặc gấp 1,5 lần các chi phí mà doanh nghiệp chi ra cho hoạt động nghiên cứu và phát triển khoa học khi xác định chi phí được trừ để tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

4.3.2. Đề xuất xây dựng chính sách thuế Carbon

Dựa trên kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới, dựa vào thực tiễn hệ thống chính sách thuế và phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam, để tăng cường công tác BVMT luận án đã đề xuất bổ sung vào hệ thống thuế Việt Nam chính sách thuế Carbon với một số nội dung cơ bản như sau:

** Các phương án xây dựng chính sách thuế Carbon*

Phương án thứ nhất: Phản ánh giá carbon vào thuế bảo vệ môi trường hiện tại - điều chỉnh mức thuế để phản ánh giá carbon.

Phương án thứ hai: Thiết lập thuế carbon riêng, song song với thuế bảo vệ môi trường.

Từ việc nghiên cứu ưu và nhược điểm của từng phương án, luận án đề xuất Việt Nam nên lựa chọn việc xây dựng chính sách thuế carbon theo phương án thứ hai, vì phương án này phù hợp với mục tiêu mà Việt Nam đang hướng tới là giảm khí nhà kính; phù hợp với chủ trương và đường lối của Chính phủ; và nguồn thu từ thuế carbon sẽ không tổng hợp chung và NSNN mà có thể phân tách và sử dụng trực tiếp cho các hoạt động môi trường.

** Một số nội dung cơ bản của chính sách thuế Carbon*

Về phạm vi áp dụng

Đối tượng chịu thuế carbon: đây là loại thuế gián thu, áp dụng với các nguồn năng lượng sản sinh CO₂, vì thế chính sách thuế carbon sẽ đánh chủ yếu vào các loại nhiên liệu hoá thạch (như xăng dầu, methanol, butan, khí hoá lỏng, than bùn, than đá...).

Đối tượng không chịu thuế carbon: những nguồn năng lượng không đốt cháy, không sản sinh CO₂ như năng lượng gió, mặt trời,

thủy điện, nguyên tử...

Đối tượng nộp thuế: Là các cơ sở sản xuất hàng hóa từ các nguồn năng lượng sản sinh CO₂.

Về căn cứ tính thuế:

Cơ sở tính thuế: là lượng khí thải CO₂ của nhiên liệu (tính theo tấn khí thải)

Mức thuế: Mức thuế carbon phải phù hợp để có thể là động lực cho việc đầu tư hiệu quả vào các phương án carbon thấp, và tránh được tác động tiêu cực lên sự phát triển kinh tế và lên xã hội.

Miễn, giảm thuế carbon: nhà nước cần xây dựng chính sách miễn, giảm thuế carbon cho các doanh nghiệp tham gia mua bán phát thải nhằm cam kết cắt giảm lượng khí thải, ban hành quy định về ngưỡng miễn thuế.

** Lộ trình áp dụng thuế Carbon tại Việt Nam:*

Năm 2022: Áp dụng mức thuế carbon 1,5USD/tấn CO₂

Năm 2025: Áp dụng mức thuế carbon 6USD/tấn CO₂

Năm 2030: Áp dụng mức thuế carbon 15USD/tấn CO₂

4.3.3. Giải pháp điều kiện

Thứ nhất, để phát triển kinh tế xanh Việt Nam cần xây dựng đội ngũ làm công tác hoạch định chính sách thuế có chất lượng cao, có tầm nhìn, bao quát đầy đủ các vấn đề cần hoạch định trong chính sách thuế.

Thứ hai, cơ quan thuế cần chủ động mở rộng sự tham dự một cách có hiệu quả của mọi chủ thể trong xã hội vào quá trình hoạch định chính sách thuế.

Thứ ba, cơ quan thuế cần có sự phối hợp chặt chẽ với các bộ, ban, ngành trong quá trình hoạch định chính sách thuế.

Thứ tư, cơ quan thuế cần đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế nhằm mục tiêu phát triển kinh tế xanh của Việt Nam đến các đối tượng liên quan, các tầng lớp nhân dân.

Thứ năm, cơ quan thuế cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế về thuế;

chủ động trong đàm phán quốc tế về thuế; đánh giá tác động của hội nhập tới phát triển kinh tế - xã hội và tài chính - ngân sách để có giải pháp, đối sách cho phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

4.4. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

4.4.1. Kiến nghị với Quốc hội

Quốc hội cần bổ sung vào Luật các tiêu chí đánh giá chính sách thuế một cách đầy đủ dựa trên các tiêu chí như: tính phù hợp, tính hiệu lực, tính hiệu quả, tính công bằng của chính sách thuế, tác động của chính sách thuế, mức độ giải quyết vấn đề của chính sách thuế..., từ đó kịp thời loại bỏ những cách làm và những văn bản về thuế không phù hợp. Đồng thời, Quốc hội nên xem xét quy định cụ thể về việc dành nguồn kinh phí thỏa đáng cho việc đánh giá chính sách thuế; tăng cường đào tạo chuyên gia đánh giá chính sách thuế; coi trọng hoạt động tổng kết thực tiễn về hoạch định, thực thi chính sách thuế.

4.4.2. Kiến nghị với Chính phủ

Một là, Chính phủ cần đẩy mạnh hoạt động xây dựng và ban hành quy chế phối hợp giữa các bộ, ban, ngành có liên quan trong việc xây dựng chính sách thuế.

Hai là, Chính phủ cần có giải pháp tăng cường đối thoại về chính sách thuế giữa Chính phủ và các chủ thể có liên quan, đặc biệt là các doanh nghiệp.

Ba là, Chính phủ cần ban hành cơ chế cạnh tranh trong ý tưởng chính sách và các báo cáo chính sách trên cơ sở phát huy vai trò của các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu độc lập và các tổ chức nghiên cứu chính sách của quốc gia.

Bốn là, Chính phủ cần ban hành quy chế phối hợp của các bộ, ngành trong việc xây dựng các chỉ số đo lường cụ thể về mức độ ô nhiễm, về lượng phát thải CO₂ ra môi trường của doanh nghiệp để tránh tình trạng nhiều chủ thể gây ô nhiễm nhưng lại không phải trả các loại thuế, phí liên quan đến môi trường.

KẾT LUẬN

Một chính sách thuế hợp lý sẽ giúp nhà nước điều tiết được hoạt động sản xuất và tiêu dùng trong xã hội, từ đó kiểm soát được mức độ gây ô nhiễm môi trường, đồng thời tăng thu cho ngân sách nhà nước. Trên cơ sở nghiên cứu về phát triển kinh tế xanh và chính sách thuế của Việt Nam trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn, trong luận án NCS đã chỉ ra được:

Đặc trưng của kinh tế xanh và vai trò của chính sách thuế đối với phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam;

Trình bày nội dung của các sắc thuế cơ bản được xây dựng với mục tiêu phát triển kinh tế xanh;

Xây dựng mô hình để phân tích tác động của các chính sách thuế đến tiến trình phát triển kinh tế xanh của Việt Nam;

Đưa ra đánh giá về tác động của chính sách thuế với mục tiêu phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam hiện nay: những thành tựu đã đạt được, một số tồn tại trong chính sách thuế và nguyên nhân.

Đưa ra đề xuất hoàn thiện bốn chính sách thuế cơ bản của Việt Nam tác động đến tiến trình phát triển kinh tế xanh: chính sách thuế tài nguyên, chính sách thuế BVMT, chính sách thuế TTĐB và chính sách ưu đãi thuế TNDN. Đồng thời, luận án đã đề xuất phương án xây dựng và thiết lập chính sách thuế Carbon - loại thuế đánh trực tiếp vào các nguyên vật liệu khi đốt cháy có phát thải khí CO₂.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình nghiên cứu, luận án cũng còn có một số điểm còn hạn chế: chưa phân tích được đầy đủ tác động của tất cả các chính sách thuế hiện nay tới phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam; luận án chưa tiếp cận được các nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến lượng phát thải CO₂ của doanh nghiệp đối với quá trình phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam. Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, mới tiếp cận với nền kinh tế xanh, vì vậy, việc hoàn thiện chính sách thuế nhằm đạt được mục tiêu phát triển kinh tế xanh thì nhà nước, cũng như các bộ, ban, ngành cần phải tiếp tục nghiên cứu, học tập cách thức tiến hành của các quốc gia đi trước để từ đó có lộ trình và bước đi phù hợp cho Việt Nam./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU
CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN
LUẬN ÁN**

[1] Đinh Thị Hòa (2018), Phát triển kinh tế xanh - Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam, Hội thảo quốc tế *Phát triển kinh tế và kinh doanh bền vững trong điều kiện toàn cầu hóa*, Học viện Tài chính, tháng 11/2018, trang 936-945, ISBN 978-090-08-2207-0.

[2] Đinh Thị Hòa, Hoàng Thị Minh Châu và cộng sự (2018), *Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Lao Động, quý 1/2018, ISBN 978-60459-9213-5.

[3] Đinh Thị Hòa (2019), *Chính sách thuế tài nguyên với phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 16 (tháng 6-2019), trang 11-13, ISSN 0866-7120.

[4] Đinh Thị Hòa (2019), *Thuế bảo vệ môi trường với mục tiêu phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam*, Tạp chí Công thương, số 8 (tháng 5-2019), trang 312-315, ISSN 0866-7756.

[5] Lý Phương Duyên, Đinh Thị Hòa và cộng sự (2019), *Tác động của chính sách thuế đến hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Học Viện Tài Chính, tháng 12/2019.